

## VIỆC MÃI NÔ DƯỚI VÒM TRỜI ĐÔNG PHỐ VÀ CHỦ ĐẤT THẬT CỦA VÙNG ĐÔNG NAI

Bình Nguyên Lộc

Việc dùng nô lệ thì ở xã hội nào thuở xưa cũng có, chớ không riêng gì ở trong xã hội Việt Nam, nên xin bạn đọc chớ tức giận mà đọc thấy những tiết lộ sau đây của chúng tôi, chỉ có lợi chứ không có hại, vì rồi ta sẽ thấy rằng dân tộc Việt Nam nhân đạo hơn tất cả các dân tộc khác đối với nô lệ.

Năm tôi lớn lên tại làng Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa, thì thấy quanh tôi có một thứ người giống hệt người Việt-Nam, nhưng nói tiếng Việt lơ lớ. Họ sống tự do bằng nghề đi làm thuê cho dân làng, và người trong làng gọi họ là „Mọi“.

Vì còn quá bé (6 tuổi) tôi chẳng biết họ là ai, lại ở chung với ta, luôn luôn nghèo, chỉ có một người là được một ông nhà giàu gả con gái cho, mà đó là một cô gái tàn tật.

Nhưng rồi tôi lớn lên, tôi thấy họ tiến bộ, họ nói tiếng Việt đã giống ta lắm rồi, lấy vợ lấy chồng người Việt. Hiện nay có con cháu họ còn, và đã làm nên danh phận tại Sài Gòn này.

Cho tới năm 15 tuổi, sửa soạn đi Sài Gòn để vào học „ly-xê“ tôi mới nghe thân phụ tôi cho biết rằng họ là nô lệ, được người Việt khắp tỉnh tự động phóng nỏ.

Nghĩa cử ấy, người Việt đã tự động làm thật sự vì người Pháp thuở ấy không hay biết chuyện đó, hay có biết mà làm ngơ thì không rõ, chớ pháp luật của Pháp không hề có can thiệp lần nào hết.

Tôi quên nói rằng còn một người không được phóng thích, nhưng họ được đối xử y như tôi tớ, và có trả lương chút ít một số tiền tượng trưng để ăn quà bánh, còn áo quần, thuốc hút gì đều do chủ đài thọ hết.

Thân phụ tôi cho biết rằng họ được phóng nỏ năm 1913, tức trước khi tôi sanh ra một năm (ít lắm cũng trong làng của tôi).

Mãi cho đến bốn mươi năm sau, tôi mới chú ý đến họ, vì tôi đã được học chủng tộc học, dân tộc học tại trường.

Thuở ấy người Pháp có lập một bảo tàng viện dân tộc học tại Saigon (Musée ethnographique) mà cái gì của bất kỳ nhóm người sơn cước nào ở Đông Dương cũng đều được trưng bày ra, do đó mà tôi mới chợt nhớ đến người „Mọi“ trong vùng tôi.

(Nay nhắc lại chuyện cũ, tôi tự hỏi năm 1954 mà Pháp bàn giao cho chính phủ ta, họ đã thủ tiêu cái bảo tàng viện ấy bằng cách nào mà ta không hay biết để đòi lại ?)

Tôi về làng gặp lại họ, điều tra về họ thì tôi rất kinh ngạc mà được chính người Việt Nam cho biết rằng họ là chủ nhân chánh hiệu của vùng đất mà dân ta đang sống, chớ không phải là người Cao Miên.

Theo thân phụ tôi cho biết, bằng vào truyền khẩu trong gia đình thì dân ta di cư vào cái nơi mà nay tên là Biên Hòa thì không có gặp người Cao Miên, mà gặp thứ người đó.

Đó là một tiết lộ quan trọng, vì ta học sử địa, ta cứ nghe dạy rằng dân ta di cư vào xứ của người Cao Miên, nhưng mà không phải thế, thì là làm sao ?

Mặc dầu năm nay đã 92 tuổi (1970) thân phụ tôi cũng chẳng biết gì cho nhiều vì cuộc di cư đầu tiên xảy ra vào giữa thế kỷ 17. Người không biết rằng sách học đã dạy như vậy, chỉ nghe ông bà kể lại rằng không có gặp người Cao- Miên mà chỉ gặp người đó mà thôi.

Họ sống thành bộ lạc, làm lúa rẫy chớ không biết cày, nhưng họ đã có dụng cụ bằng kim khí, đồng và sắt.

Họ chỉ lúi dúi vào rừng, chớ không có chống lại với ta, và cho tới năm tôi lên 6, thì tôi chỉ còn thấy nô lệ, chớ hết thấy bộ lạc nữa.

Những nô lệ này không phải là bị dân ta dùng sức mạnh để bắt như thời xưa, mà ta mua trẻ con. Họ còn kém cỏi nên năm nào tới mùa giáp hạt, họ cũng đói kém vài tháng, và bán con, đổi lấy gạo và muối.

Nhưng không phải là họ lúi bước ngay, mà họ có sống chung với ta ít lắm cũng năm bảy mươi năm, nên phong tục của họ, có vài điểm lọt vào xã hội ta, mà một tục, được Trịnh Hoài Đức nói đến về nếp sống của dân Việt ở Nam Kỳ sử gia Phan Khoang dịch đăng trong quyển Xứ Đàng Trong (1), nhưng Trịnh Hoài Đức không biết đó là phong tục của dân thổ trước ấy, trình bày như là người Việt bày ra các tục ấy. Dân đó, ngày nay còn giữ tục ấy, còn dân Việt ở Nam Kỳ thì đã bỏ từ lâu rồi.

Thế thì sử sách của ta còn sơ lược về điểm ấy. Có lẽ trên giấy tờ thì đất là của vua Cao Miên, nhưng dân thì không phải chỉ có dân Cao Miên, và riêng vùng tôi sinh trưởng thì không hề có dân Cao Miên.

Như đã nói, năm tôi lên sáu thì trong làng chỉ có một người nô lệ là chưa được giải phóng, và năm tôi hai mươi, trở về làng, học hỏi về họ thì người nô lệ ấy đã qua đời rồi, nên tôi chỉ biết về chế độ nô lệ trong vùng qua những lời kể của thân phụ tôi mà thôi.

Theo thân phụ tôi thì thật ra cũng có một số chủ nhà tàn ác, hành hạ nô lệ quá lắm, bắt làm nhiều, cho ăn ít, lại còn đánh đập khi nào năng suất của nô lệ kém, nhưng giết chết thì không có, mà số người tàn ác như vậy cũng quá ít đối với số người nhân đức.

Tôi tin thân phụ tôi, bằng vào sự phóng nô, và cảnh nô lệ sống tự do lẫn lộn với dân ta mà tôi được chứng kiến.

Người nô lệ được giải phóng, được hội tề hương chức ghi tên vào bộ đình trong làng, tức mặc nhiên xem họ có quốc tịch Việt Nam.

Họ không tìm về với cộng đồng của họ vì những bộ lạc ấy đã lúi xa từ mấy chục năm rồi, không còn làm sao mà tìm được nữa, với lại họ đã quen với nếp sống Việt Nam,

được dân làng cho tới lui, thuê làm lụng, họ không có lạc hướng, hoặc đau khổ gì hết.

Họ không còn bị gọi là Mọi nữa, năm tôi trở về làng để tìm lại họ, thì họ được Việt hóa hoàn toàn rồi.

Phủ Biên tạp lục của Lê Quý Đôn cũng có nói đến đám nô lệ ở Nam Kỳ ấy, nhưng họ Lê cho rằng đó là nông nô, nhưng theo chỗ chúng tôi thấy tận mắt thì không phải. Họ cày, cấy, gặt, viết dờ, và các chủ nô lệ chỉ bắt họ làm các công việc khác mà thôi, chớ không để họ làm nghề nông.

Tất cả mọi công việc đồng áng đều do dân ta làm lấy hết. Hình như là phải học nhiều thế hệ mới giỏi nghề nông được, nhưng dân ta không biết cái lẽ đó, dạy họ vài năm, coi không xong thì thôi. Vả lại còn biết bao nhiêu công việc nặng nhọc, thì nô lệ cũng chẳng được ngồi không, mặc dầu họ dờ nông nghiệp.

Thuở ấy chưa có nhà máy xay lúa trong làng thì xay, giã là công việc vất vả dành cho nô lệ. Đốn cây, leo cây cũng là việc của nô lệ, gánh nước từ sông lên cũng do họ đảm trách.

Đó là công việc hằng ngày, thỉnh thoảng có dịp khiêng gánh nặng, hoặc đào giếng thì họ lại có dịp trở tài.

Nhưng họ không phải ngu đần đâu vì tôi có thấy những người ấy biết chữ Nho và rất ưa „nói chữ“. Chữ Nho mà lại dễ học hơn nghề nông thì thật là khó hiểu !

Nhưng năm tôi trở về làng thì lại có người có nô lệ trở lại, những đứa trẻ mới được mua, chưa dùng được. Tôi hỏi ra thì các chú lái buôn Tàu đi lên rừng, thỉnh thoảng mua về một đứa bán lại cho ta. Nhưng không rõ do đâu mà rồi chỉ có mấy đứa trẻ lại thôi, hình như là dân làng đã biết luật pháp cấm đoán, họ đã tự động phóng nô hồi luật pháp chưa vào làng, họ không dại mà phạm tội khi họ biết luật rồi.

Những đứa trẻ mới mua sau, được ngụy trang là con cháu và được đối xử như con cháu thật sự. Nhưng từ đó (1930) không còn việc mãi nô nữa, mặc dầu dân nô lệ cũ vẫn cứ còn có mặt trong làng sinh con đẻ cháu ra hoài hoài.

Ta xem sử sách Đông Tây, kim cổ, ta thấy nhiều nơi, nhiều thời, đối xử với nô lệ tàn bạo hơn dân ta nhiều lắm, còn ở Trung hoa thì chính tôi tớ là người nô bộc thuộc Hán- tộc, cũng bị ngược đãi đôi khi đánh chết cũng chẳng sao.

Nhưng sự kiện mãi nô này chỉ là nguồn gợi thắc mắc cho chúng ta về chủ đất thật sự của cái nơi mà ta đã di cư đến.

Ngày nay, sau nhiều năm học hỏi, chúng tôi khám phá ra được mấy điều này nữa. Là trọn tỉnh Long Khánh chỉ mới được dân ta đến khẩn hoang và định cư không trên 70 năm.

Như vậy, thì vào giữa thế kỷ 17 cho đến năm 1900 thì giữa Biên Hòa và Phan Thiết là rừng rậm với những bộ lạc có con dân làm nô lệ cho ta.

Điều đó cũng có thể không gì là lạ. Đó là một cái „No mansland“ giữa hai quốc gia Cao Miên và Chiêm Thành, họ cố ý không khẩn hoang cả một vùng rộng lớn để lấy rừng sâu làm thành lũy thiên nhiên hầu chống xâm lăng.

Nhưng ai làm chủ khoảng rừng rậm mênh mông ấy, trên giấy tờ ? Trên thực tế, thì đó là người Mạ, người mà dân ta đã gặp. Nhưng họ không có nước, thế họ là thần dân của ai đó, mà kẻ đó là Chiêm Thành hay Cao Miên ?

Trong tỉnh Biên Hòa, dân ta lượm được, hoặc đào được rất nhiều tượng Chàm, mà hai tượng danh tiếng là một tượng ở làng Tân Hòa, được thờ trong một ngôi đền do dân ta xây cất, tượng này chỉ là tượng Saruda thôi, nhưng nó danh tiếng vì người thủ đền là một nhà trí thức Việt Nam, ông Nguyễn xích Hồng, người Việt Nam đầu tiên đã mở Trung học tư thực tại Sài gòn. Nhưng một tượng khác lại danh tiếng hơn vì được hầu hết các nhà khảo cổ Việt nam biết đến, hiện đang thờ tại một đền thờ ở thành phố Biên Hòa.

Như vậy thì biên giới Miên Chiêm ở đâu ?

Chắc không ai biết cả, nhưng bằng vào sự có mặt của tượng chàm tại thành phố Biên Hòa ngày nay, ta có thể suy ra rằng biên giới ấy không phải là ranh giới của hai tỉnh Long Khánh và Bình Thuận như toàn thể các sử gia ta đều tưởng, từ bao lâu nay, mà có thể là tại thành phố Biên Hòa ngày nay, hay ở dưới nữa, rất xa.

Cả Chàm lẫn Cao Miên đều theo văn hóa Ấn Độ, thì tượng thờ của họ hơi giống nhau, nhưng vẫn có khác, mà các nhà khảo cổ đều cho rằng tượng Biên Hòa là tượng Chàm chứ không phải tượng Cao Miên.

Tôi bèn học ngôn ngữ của người Mạ, thứ người ngày xưa đã làm nô lệ cho ta ấy, để xem họ có phải là những người thuộc phần tử Cao Miên chậm tiến hay không.

Nhưng việc học hỏi của tôi không cho tôi biết sự thật được. Trong ngôn ngữ của người Mạ (họ tự xưng là Chi-au Mạ. Chi-au chỉ có nghĩa là Người mà thôi. Nhưng nhiều sách lại ngỡ Chi-au là một phần của Chi-au Mạ, nên viết rằng họ là người Châu Mạ, Chi-au biến thành Châu), trong ngôn ngữ của họ có một số danh từ Cao Miên y hệt như trong ngôn ngữ Việt ở miền Nam, (mà cả ngôn ngữ Việt miền Bắc cũng có một số ít danh từ Cao Miên nữa) nhưng căn bản vẫn là Mã Lai, một phương ngữ Mã Lai rất gần với phương ngữ mà tất cả mọi dân tộc ở trong lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa đều dùng (Sô-Đăng, Bà Na, Gia Rai, Chàm, và cả Việt nữa).

Điều ấy phù hợp với khoa chủng tộc học Âu Châu, khoa ấy xác nhận rằng người sơn cước Việt Nam thuộc chủng Anh-Đô-Nê Giêng, nói nôm na là chủng Proto-Malais, tức Cổ Mã Lai.

Cổ ở đây là ở vào giai đoạn văn hóa và vóc dáng cổ, chứ phải là sống vào thời cổ.

Như vậy thì không có gì là Cao Miên hết ở Biên Hòa.

Mà cũng không chắc rằng đó là đất Chàm, mặc dầu người Chàm cũng nói tiếng Mã Lai, y như người Mạ, vì theo truyền khẩu trong các gia đình ở Biên Hòa thì tổ tiên chúng tôi không có gặp người Chàm nào hết khi di cư vào mà chỉ thấy chủ đất thật sự là người Mạ thôi.

VIỆC MÃI NÔ DƯỚI VÒM

Những tượng Chàm lượm được hoặc đào được, người Mạ không biết là của ai. Sự không biết ấy, chứng tỏ rằng họ không phải là người bốn xứ thật sự, người bốn xứ rất cổ, đã bị tiêu diệt rồi chăng? Mà cái người bốn xứ thật có đã để lại tượng Chàm, xem ra, không phải là người Chàm, bởi Biên Hòa với Bình Thuận, mặc dầu cách trở nhau vì rừng, nhưng vẫn là địa bàn liên tục thì người Chàm Biên Hòa không thể bị tiêu diệt khi người Chàm Bình Thuận còn tồn tại.

Người đó là ai ?

Xét địa danh cũng không biết được gì hết.

Không rõ nhà học giả tiền bối Trương Vĩnh Ký đã dựa vào tài liệu nào, mà ngài lập ra được một bản danh sách của các địa danh Cao Miên ở Nam Kỳ, trong danh sách đó thì sông ngòi, non núi ở Biên Hòa, lại mang tên Cao Miên.

Chúng tôi kiểm soát lại thì không có sự thật nào hết, riêng trong tỉnh Biên Hòa. Những địa danh Cao Miên bị Việt hóa, ngày nay vẫn còn mang dấu vết Cao Miên. Thí dụ : Trà Vinh, Long Hồ, Mỹ Tho.

Trong khi đó thì những địa danh bị Việt hóa ở Biên Hòa và Long Khánh lại mang dấu vết Mã Lai thí dụ như Gia Ray, Gia (Ya là một phương ngữ Mã Lai có nghĩa là Sông, hoặc Nước bị ta biến thành Gia). Như thế thì đó là địa danh Mạ, hoặc Chàm chứ không thể nào mà là địa danh Cao Miên.

Có một thứ danh mộc mà miền Trung gọi là cây bằng lăng. Danh mộc ấy, từ Mỹ Tho tới Cà Mau, dân ta gọi bằng một danh từ Cao Miên là cây thau lau. Còn từ Mỹ Tho lên tới Biên Hòa thì là ta vẫn dùng danh từ bằng lăng, hoặc một danh từ khác của người Mạ, mà chúng tôi đã quên mất rồi.

Đó là một bằng chứng nữa rằng đất ấy không phải là đất Cao Miên thật sự.

Những sự kiện sử địa nói trên đặt ra một nghi vấn đáng được ta nghiên cứu lại, nhất là ông Sihanouk đã có lần đòi gán hết đất Nam Kỳ này, bảo rằng đó là đất của tổ tiên ông.

Ông Ngô đình Diệm rất không ưa dấu vết Cao Miên, có lẽ vì cuộc đời điên rồ của ông Sihanouk, nên ông đã ra lệnh Việt hóa hầu hết những địa danh mang dấu vết Co-Mê, thí dụ Mê Sô, bị ta biến ra thành Mỹ Tho thì ông bắt sửa ra là Định Tường.

Nhưng những địa danh từ Mỹ Tho lên tới Biên Hòa không phải là địa danh Cao Miên, lại cũng được sửa đổi, có lẽ là vì người cộng sự của ông cứ yên trí rằng đó là địa danh Cao Miên.

Thí dụ quận Cần Đước bị cải lại là quận Cần Đức. Nhưng Cần Đước là tiếng Việt. Cần đước là loài thủy tộc giống như con rùa, ăn thịt đước. Đó là xứ có nhiều con Cần đước, chứ không phải là một địa danh Cao Miên.

Các sử gia ta không nghiên cứu, cứ chép lại sử cũ của trào Nguyễn, mà sử ấy không chép theo nghe thấy tại chỗ, mà theo văn kiện chánh thức, văn kiện này cho rằng ta xin phép vua Cao Miên (hoặc bắt ép) cho dân ta di cư vào đất họ.

Nay những điều nghe thấy lại nói trái lại thì tương đoạn sử ấy của miền Nam còn phải lâu lắm mới đúng sự thật được.

Chúng tôi xin trình bày dưới đây những khám phá mới nhất đã soi sáng phần nào đoạn sử hỗn loạn và mù mờ đó, những khám phá này, chưa hẳn là sự thật, nhưng vẫn cho ta hy vọng đi đến sự thật về sau.

Ai cũng biết rằng nước Phù Nam chánh quốc (Métro- pole du Phù Nam) là nước Cao Miên hiện nay. Họ lại có đất phụ dung mà họ không ở, là toàn cõi Nam Kỳ và ba tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận và Nha Trang của ta nay, như biaVõ Cảnh đã chứng minh.

Theo tài liệu mới nhất về nước Phù Nam của ông Pierre Dupont (B.S.E.I. 1949) thì nước Chân Lạp cướp nước Phù Nam, nhưng chỉ cướp được cái phần đất mà ngày nay là nước Cao Miên và Nam Xiêm La xưa mà thôi, còn từ Nam Kỳ ra tới Nha Trang, cũng là lãnh thổ của Phù Nam thì họ không bao giờ cướp được cả.

Nhưng theo chúng tôi, thì chắc là họ không thèm cướp vì Nam Kỳ quá nô địa, mà dân Cao Miên thì không ở được nơi đất ẩm như dân Việt Nam, mà hễ không cướp Nam Kỳ thì đất Bình Thuận, Nha Trang có khô ráo bao nhiêu, họ cũng không làm sao mà cướp được.

Về sau, có một quý tộc Chân Lạp cướp đất ấy, để lập quốc riêng, nhưng lại đặt trung tâm ở Nha Trang và cướp luôn cả Chiêm Thành, tự xưng mình là vua của nước Hoàn Vương gồm Chiêm Thành, Nha Trang, Bình Thuận. Nam Kỳ vẫn bị bỏ quên.

Và rồi không có tài liệu nào cho biết rằng sau đó nước Chân Lạp có chiếm Nam Kỳ hết. Tên quý tộc phiêu lưu nói trên bị một quý tộc Chiêm Thành giết đi, ông này bỏ tên nước cũ của dân ông là tên Lâm Ấp, bỏ luôn tên Hoàn Vương và xưng quốc hiệu là Champa (Tàu phiên âm là Chiêm Ba, hoặc Chiêm Thành), sáp nhập Lâm Ấp với phần đất bắc Phù Nam là Nha Trang và Bình Thuận.

Có lẽ chỉ có một vài nhóm Cao Miên tự động di cư xuống Nam Kỳ rồi thì vua Cao Miên thấy đất không chủ, nhận luôn làm của mình.

Cứ lật hồ sơ hành chánh của Pháp, ta nhận được rằng cho tới năm 1930 mà dân ta khẩn hoang Nam Kỳ chưa xong, thì hẳn vào thế kỷ 17, không có mấy người Cao Miên định cư ở đất này đâu.

Những sách dân tộc học của ta, như Phủ Biên Tạp Lục của Lê quý Đôn cũng nói rõ rằng chúng ta khẩn hoang đất Đông Phố, mà khi nói đến khẩn hoang thì phải hiểu rằng ở đó không có dân mà chỉ có rừng.

Tóm lại Nam Kỳ cũng chưa xứng đáng là thuộc địa của Cao Miên nữa chớ đừng nói là chánh thức của họ. Họ không có mất nhiều quá như ngày nay họ tưởng khi mà họ thấy từ Biên Hòa đến Cà Mau ruộng đất mênh mông.

Vào thế kỷ 17 đất này vẫn còn là đất hoang vu, có chủ từ 2.000 năm, nhưng chủ cũ là Phù Nam cũng bỏ mà chủ mới là Cao Miên cũng chẳng ngó ngàng gì tới hết.

Xin trở lại người Mạ, mà chúng tôi đã biết và đã học ngôn ngữ. Họ nhớ rằng xưa kia, tổ tiên của họ có thống nhất các bộ tộc lại được dưới quyền một người chúa độc nhất.

Các sử gia Pháp cũng xác nhận điều đó. Địa bàn của họ vào năm 1930 là bắc Phước Tuy (Bà Rịa), bắc Biên Hòa, Long Khánh, Lâm Đồng, Bảo Lộc, Di Linh, Ban Mê Thuột.

Nhưng xưa hơn, có lẽ địa bàn ấy đi tới Mỹ Tho bằng sự xuất hiện của danh từ thau lau, chỉ loại danh mộc đã nói ở trên kia từ Mỹ Tho trở xuống.

Phủ Biên tạp lục cũng cho biết rằng ta khẩn hoang với công nhân nô lệ tại đất Lôi Lạp (tức Gò Công, Long An). Tác giả Lê Quý Đôn lại phân biệt rõ hai thứ nô lệ, một thứ da đen tóc quăn, và một thứ da tương đối sáng.

Thứ da tương đối sáng đích thị là người Mạ, họ giống người Việt Nam y hệt, vì theo nghiên cứu riêng của chúng tôi trong quyển „Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam“ thì họ và ta đồng chủng với nhau.

Còn thứ da đen tóc quăn thì ăn khớp với lời miêu tả dân Phù Nam của Đường Thư và tân Đường Thư ... Có lẽ đó là người Phù Nam ở đất phụ dung Nam Kỳ, người Phù Nam chính gốc đã bị Cơ-Me hóa còn người Phù Nam ở xa thì bị thoái hóa nên phải làm nô lệ.

Ta đã chắc được về tình trạng từ Long Khánh đến Mỹ Tho từ Mỹ Tho trở xuống Cà Mau thì các văn kiện hành chính của Pháp là những chứng tích không thể chối cãi. Người Cao Miên có mặt thật sự ở đó, nhưng chỉ là những nhóm nhỏ, tập trung tại những vùng phì nhiêu nhất, mà nay họ vẫn còn tồn tại và còn là địa chủ thật sự như thường, còn toàn cõi là rừng hoang, điều lăm, do tổ tiên chúng ta khai khẩn ?

Năm kia, trong một tạp chí khác, tôi đã dựa vào Nguyễn văn Siêu để gọi địa bàn của dân Mạ là nước Xích Thổ.

Liên sau đó từ trong tạp chí này, (2) nhà học giả Lê Thọ Xuân có một bài gián tiếp đính chính điều này.

Ông Lê Thọ Xuân cho biết rằng vua Thiệu Trị dạy rằng nước Xích Thổ là nước Xiêm La và họ Lê có chứng bằng chứng hẳn hoi.

Thật ra thì ông Nguyễn văn Siêu không có lầm đâu. Ông đã lầm về Bà Rịa thật đó, nhưng về Xích Thổ thì không.

Ai có đọc Phương Đình Dư Địa Chí thì thấy rằng Nguyễn văn Siêu giống hệt Lê Quý Đôn, là một nhà nho hiếm hoi giỏi kỹ thuật và khoa học nhân văn trong khi các nhà nho khác chỉ biết văn thơ.

Nước Xích Thổ mà họ Lê nói đến, quả thật là nước Xiêm. Nhưng đó là địa danh Tàu, phiên âm địa danh Thái Sudokai.

Còn Xích Thổ của Nguyễn văn Siêu không phải là địa danh phiên âm, mà là địa danh sáng tác dựa vào địa chất học.

Các nhà địa lý ta đã sáng tác địa danh, thí dụ như nước của người Gia Rai (nay ở tỉnh Phú Bổn) được họ gọi là Thủy Xá và Hỏa Xá. Thực ra thì họ cũng dịch chứ không hẳn là sáng tác, nhưng không phải phiên âm.

Nguyễn văn Siêu đã trót mang tiền án vụ Bà Rịa nên ông mất hết tín nhiệm, nhưng người mang tiền án không phải luôn luôn tái phạm tội.

Một dân tộc đã thống nhất là dân Gia Rai, được vua chúa ta nói đến, mặc dầu là chung đưng với họ, thì tại sao một dân tộc khác là dân Mạ, cũng đã thống nhất, có hợp chủng với ta, lại không được ta gọi tên nước như dân Gia Rai đã được gọi?

Sự thống nhất các bộ lạc Mạ đều được các nhà dân tộc học Pháp nhìn nhận là đúng sự thật, mà họ lại hợp chủng với ta thì không thể nào mà không gọi nước họ bằng một tên nào đó.

Các nhà viết sách xưa ít có dẫn chứng. Có lẽ Nguyễn văn Siêu nói theo văn kiện nhà nước triều Nguyễn chớ không phải theo sách nào hết.

Một vấn đề cần được dứt khoát là sự có mặt của hai tượng Chàm danh tiếng ở Biên Hòa. Chúng tôi đã không tin rằng đất Biên Hòa của Chàm. Nhưng theo khám phá của ông Pierre Dupont thì ta phải hiểu như thế này :

Khi Hậu Duệ của vua Lâm áp tiêu diệt nước của Hoàn Vương ngoại chủng thì đất của bọn ngoại chủng đương nhiên lọt vào tay họ và nước mới là nước Chiêm Thành làm chủ luôn một vùng Phù Nam rộng từ Nha Trang cho tới Mỹ Tho. Nhưng sau, cứ có tranh chấp hoài giữa Cao Miên và Chiêm Thành, mà Chiêm Thành thì bận chống xâm lăng ở phương Bắc nên cứ bỏ lần vùng đất ấy, lùi về tới ranh giới Bình Thuận ngày nay.

(Nước Phù Nam chưa kịp biết kiến trúc và tạc tượng đá thì đã bị Chân Lạp diệt hồi thế kỷ thứ 6, nên tượng ấy cũng không thể là của Phù Nam, mặc dầu Phù Nam, cũng theo văn hóa Ấn Độ y như Cao Miên và Chàm).

Tập San Sử Địa số 19-20, 1970. (Trang 249-258)

-----  
Ghi chú :

1.- Phan Khoang, Việt Sử : Xứ Đàng Trong, Sài gòn, Khai . Trí : 1970

2.- Tập San Sử Địa,- số 14 và 15 - tt 153-175